

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27/2020/HNGĐ-PT

Ngày 27/8/2020

*“V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT- HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020, về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chiêm Thị Bạch T (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T1 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Chiêm Thị Bạch T trình bày: Bà và ông Ngô Văn T1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án

giải quyết, tuy nhiên bà T và ông T1 không thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn gồm: Tổng số tiền là 280.000.000 đồng xây dựng căn nhà ở cấp 4 nằm trên phần đất có diện tích ngang 7m, dài 16m tại ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; một chiếc xe Honda biển số xe 95B1-00696 do ông T1 đứng tên; một máy xăng cốt xéo chạy vô trị giá 6,5 chỉ vàng 24k; một bộ salon bằng gỗ trị giá 15.500.000 đồng; một bộ bàn ghế gồm 01 bàn kính và 10 ghế inox trị giá 2.900.000 đồng; 01 ti vi (tủ thờ) trị giá 5.500.000 đồng; năm 2018 bán mía được 80.000.000 đồng ông T1 quản lý. Ngoài ra, cùng năm 2018 ông T1 có mượn bà T số tiền 6.700.000 đồng, nay yêu cầu trả số tiền mượn trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Chiêm Thị Bạch T rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia số tiền bán mía 80.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 yêu cầu bà T chia đôi 06 chỉ vàng 24k loại 9999 và 3,5 chỉ vàng 18k, bà T không đồng ý vì không có sổ vàng trên.

Bị đơn ông Ngô Văn T1 trình bày: Không đồng ý yêu cầu chia đôi tài sản theo yêu cầu khởi kiện của bà T, các tài sản trên ông đang quản lý. Ông T1 thừa nhận tài sản chung của vợ chồng chỉ có nhà bếp (diện tích 4,3m x 8,5m, khung cột gỗ tạp, mái tole, vách tole, nền xi măng) nằm trong nhà chính được xây dựng năm 2013 tại ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, giá trị 2.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý chia đôi theo quy định. Các tài sản còn lại không phải tài sản chung của ông và bà T là tiền của mẹ Nguyễn Thị B thời điểm còn sống bán đất đưa cho ông xây nhà và mua sắm tài sản trang trí trong gia đình. Đối với yêu cầu ông trả số mượn 6.700.000 đồng vào năm 2018, ông không đồng ý vì cho rằng không có mượn của bà T.

Ông T1 có yêu cầu phản tố theo đơn phản tố ngày 09/8/2019; quá trình giải quyết vụ án ông T1 rút lại một phần yêu cầu: Không yêu cầu đối với tiền nạp tài cho con gái 41.600.000 đồng; tiền thu được từ đám cưới con gái 65.000.000 đồng; 1.200.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k em chồng mượn đã trả cho bà T; một xe mô tô biển kiểm soát 95B1-482.80; một mặt bằng thuê trị giá 19.000.000 đồng tại chợ phường 7, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên yêu cầu chia đôi 06 chỉ vàng 24k loại 9999 và 3,5 chỉ vàng 18k hiện bà T đang quản lý.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chiêm Thị Bạch T về việc yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung đối với ông Ngô Văn T1. Bác yêu cầu của bà

Chiêm Thị Bạch T về đòi số tiền mượn 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Ngô Văn T1 có nghĩa vụ giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho bà Chiêm Thị Bạch T số tiền là 160.550.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Ngô Văn T1 được trọn quyền sử dụng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 433 thuộc tờ bản đồ số 2, tại ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cùng các tài sản gồm: Bộ salon bằng gỗ; một bộ bàn kính + 10 ghế inox; 01 tủ ti vi (tủ thờ); máy xăng cốt xéo chạy vỏ nhãn hiệu VANGUARD; xe mô tô Honda FuTure X, biển số xe 95B1-00696 do ông Ngô Văn T1 đứng tên.

- Bác yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu bà Chiêm Thị Bạch T chia đôi 06 (Sáu) chỉ vàng 24k loại 9999 và 3,5 (Ba phẩy năm) chỉ vàng 18k.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chia đôi số tiền mía 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn chia đôi chia tiền nạp tài 41.600.000 đồng; tiền đám cưới con gái 65.000.000 đồng; tiền của em chồng trả 1.200.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k; tiền thuê mặt bằng 19.000.000 đồng và chiếc xe Honda, biển số 95B1-482.80 mang tên Ngô Thị Huyền T2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, án phí, các chi phí tố tụng, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, bị đơn ông Ngô Văn T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Chiêm Thị Bạch T.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn T1 thay đổi kháng cáo, ông đồng ý chia đôi tài sản chung cho bà T với tổng giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng và đề nghị giảm số tiền 160.550.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông chia cho bà T, hoặc là ông sẽ giao cho bà T các tài sản là bộ salon bằng gỗ; một bộ bàn kính + 10 ghế inox; 01 tủ ti vi (tủ thờ); máy xăng cốt xéo chạy vỏ nhãn hiệu VANGUARD; xe mô tô Honda FuTure X, biển số xe 95B1-00696 do ông Ngô Văn T1 đứng tên và bà T phải giao lại giá trị của những tài sản này cho ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chiêm Thị Bạch T không đồng ý với ý kiến này của ông T1 vì bà không có nhu cầu sử dụng những tài sản này, vì từ khi ly hôn với ông T1 thì bà T ở nhà trọ chứ không có nhà riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là Chiêm Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn gồm: Tổng số tiền là 280.000.000 đồng xây dựng căn nhà ở cấp 4; một chiếc xe Honda biển số xe 95B1-00696 do ông T1 đứng tên; một máy xăng cốt xéo chạy vỏ trị giá 6,5 chỉ vàng 24k; một bộ salon bằng gỗ trị giá 15.500.000 đồng; một bộ bàn ghế gồm 01 bàn kính và 10 ghế inox trị giá 2.900.000 đồng; 01 ti vi (tủ thờ) trị giá 5.500.000 đồng; tiền bán mía được 80.000.000 đồng ông T1 quản lý và số tiền 6.700.000 đồng ông T1 mượn bà T. Bị đơn ông Ngô Văn T1 có đơn phản tố yêu cầu chia đôi 06 chỉ vàng 24k loại 9999 và 3,5 chỉ vàng 18k hiện bà T đang quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Ngô Văn T1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ông T1 kháng cáo cho rằng các tài sản chung là 01 căn nhà, 01 tủ thờ, 01 bộ Salon, bộ bàn ghế, 01 chiếc xe honda, 01 máy xăng cốt xéo thì ông không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà T, bởi vì trước đây khi giải quyết ly hôn ở Tòa án nhân dân thành phố V thì bà T không yêu cầu chia tài sản, số tiền để xây nhà và mua các vật dụng trong nhà là do mẹ ông là bà Nguyễn Thị B bán đất đưa tiền cho ông để xây dựng và mua sắm. Xét thấy, Quyết định số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V về công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân là công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T với ông T1, còn về tài sản chung thì chưa được xem xét do chưa có đương sự nào yêu cầu, do đó việc bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ.

[3.2] Tại phiên tòa hôm nay, ông T1 đồng ý chia tài sản cho bà T với giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng, còn các tài sản khác thì đồng ý giao lại cho bà T và T phải trả cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị những tài sản này. Xét thấy, những tài sản này ông T1 đang quản lý sử dụng từ khi ông, bà ly hôn đến nay, đồng thời từ khi ly hôn đến nay bà T ở nhà trọ và bà cũng chưa có nhà riêng, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao các tài sản này cho ông T1 là phù hợp.

[3.3] Đối với căn nhà cấp 4: Tại phiên tòa ông T1 chỉ đồng ý chia cho bà T 100.000.000 đồng, tuy nhiên theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất có giá trị là 410.599.412 đồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà T chỉ yêu cầu chia đôi số tiền của vợ, chồng tại thời điểm xây dựng căn nhà là 280.000.000 đồng là đã có lợi cho ông T1 nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà T 140.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, ông Ngô Văn T1 là người kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 33, Điều 38, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn T1.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chiêm Thị Bạch T về việc yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung đối với ông Ngô Văn T1. Bác yêu cầu của bà Chiêm Thị Bạch T về đòi số tiền mượn 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Buộc ông Ngô Văn T1 có nghĩa vụ giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho bà Chiêm Thị Bạch T số tiền là 160.550.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Ông Ngô Văn T1 được trọn quyền sử dụng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 433 thuộc tờ bản đồ số 2, tại ấp Mỹ I, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cùng các tài sản gồm: Bộ salon bằng gỗ; một bộ bàn kính + 10 ghế inox; 01 tủ ti vi (tủ thờ); máy xăng cốt xéo chạy vỏ nhãn hiệu VANGUARD; xe mô tô Honda Future X, biển số xe 95B1-00696 do ông Ngô Văn T1 đứng tên.

4. Bác yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu bà Chiêm Thị Bạch T chia đôi 06 (Sáu) chỉ vàng 24k loại 9999 và 3,5 (Ba phẩy năm) chỉ vàng 18k.

5. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chia đôi số tiền mía 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn chia đôi chia tiền nạp tài 41.600.000 đồng; tiền đám cưới con gái 65.000.000 đồng; tiền của em chồng trả 1.200.000đồng và 03 chỉ vàng 24k; tiền thuê mặt bằng 19.000.000đồng và chiếc xe Honda, biển số 95B1-482.80 mang tên Ngô Thị Huyền T2.

7. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Chiêm Thị Bạch T nộp 3.555.500đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng), đã nộp xong. Ông Ngô Văn T1 nộp 3.555.500đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng) để trả lại cho bà Chiêm Thị Bạch T.

8. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Chiêm Thị Bạch T nộp 8.362.500đồng (Tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Chuyển tiền 2.150.000đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí bà Chiêm Thị Bạch T nộp ngày 09/8/2019 theo biên lai thu số 0020535 và số tiền 3.750.000đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 11/7/2019 theo biên lai thu số 0020464 thành án phí. Bà Chiêm Thị Bạch T còn phải nộp thêm số tiền 2.462.500đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Buộc ông Ngô Văn T1 nộp 8.027.500đồng (Tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Chuyển số tiền 4.350.000đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí ông Ngô Văn T1 nộp ngày 13/8/2019 theo biên lai thu 0020536 thành án phí. Ông Ngô Văn T1 còn phải nộp thêm số tiền 3.677.500đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn T1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003139 ngày 09/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

9. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V, Hậu Giang;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú – Hồ Văn Luông

Trịnh Thị Bích Hạnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. Long Mỹ, Hậu Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H.Châu Thành A;
- Chi cục THADS H. Châu Thành A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh

